



Tìm hiểu Trung Quán Luận

VỚI SỰ PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Trung Quán Luận còn gọi tắt là Trung Luận (中論) là bộ luận xuất sắc của Bồ Tát Long Thọ người phía Nam nước Ấn Độ (khoảng thế kỷ II- III).

Trung Quán Luận là sự kế thừa phát triển tư tưởng Tính Không trong kinh Bát Nhã, khẳng định mọi vật, hiện tượng có được đều do duyên sinh vô tính; một khi không cố chấp sẽ không sai lầm, đó cũng là hướng khắc phục mọi khó khăn trên con đường giải thoát. Trung Quán Luận với tư tưởng Tính Không đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển Phật giáo Đại thừa Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Tỳ Khiêu Thích Quảng Hợp

Từ khóa: Trung Quán Luận, Tính Không, Trung Đạo, Bát Nhã, sự phát triển Phật giáo Đại thừa, Thiền tông.

Luận về Trung Quán Luận (中觀論) là không thể không luận tới Tính Không trong ấy và tác giả của nó là Long Thọ. Long Thọ (Nagarjuna) sinh ra vào khoảng thế kỷ II - III tại Ấn Độ, khi xã hội có nhiều biến động về kinh tế, chính trị, tư tưởng. Ngài đã sáng tác Trung quán Luận với biện chứng pháp phủ định bát Bất, với triết lý Tính Không mang ý nghĩa bản thể luận và nhận thức luận căn bản của Đại thừa. Nguồn gốc tư tưởng này vốn đã có từ thời Đức Phật còn tại thế, song nó được phát triển thành xu hướng Đại Thừa bắt đầu từ phía Nam Ấn Độ, căn cứ của Đại Chúng Bộ. Cũng từ đây tư tưởng "Bát Nhã", tư tưởng "Tính Không" làm nền tảng cho tư tưởng phá chấp giúp người tu tập được tuệ giác, giải thoát.

Mã Minh Bồ Tát là người khởi sướng ra thuật ngữ "Đại thừa", Long Thọ đã có công hệ thống, chú thích, luận giải và hệ thống những kinh điển đã có sẵn trên tinh thần Đại thừa, tư tưởng Tính Không, và với trí tuệ xuất sắc "biện tài nghị biện vô ngại", ông được coi là một trong những triết gia đầu tiên trong cuộc cách tân lịch sử tư tưởng Phật giáo Đại thừa.

Trung quán Luận là một bộ luận đặc sắc nhất của

Long Thọ. Lý luận về Tính Không luôn vắng lặng, siêu việt “các tướng” ra đời giúp cho tư tưởng Đại thừa Phật giáo phát triển về nội dung và hoàn thiện về hình thức và làm cho các ngoại đạo ở Ấn Độ kinh sợ. Tính Không của Long Thọ không chỉ phủ nhận các pháp giả hữu của tư tưởng Tiểu Thừa, mà tiến tới quan niệm biện chứng về Không bằng phân tích mọi pháp đều vô thường, vô ngã tức đều giả hữu (không có thật) và “Có - Không” cũng chỉ là phương tiện, là tương đối không phải tuyệt đối rốt ráo.

Trung Quán Luận cũng như Thiền tông đều cùng mục đích giúp người giác ngộ, phá chấp tà kiến. Song Thiền Tông nhấn mạnh hơn công hiệu của Trung quán là: “hạ thủ công phu, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành phật, giáo ngoại biệt truyền”.

1. Trung Quán Luận với Thiền tông đại thừa Phật giáo Trung Quốc

Tư tưởng triết học Tính Không của Trung Quán Luận lan toả theo Phật giáo Đại Thừa ra bốn phương ngoài Ấn Độ, điển hình là ảnh hưởng tới Thiền Tông đại thừa Trung Quốc cho tới ngày nay.

Thiền Phật giáo được chính truyền vào Trung Quốc với công của ngài Bồ Đề Đạt Ma từ đời vua Lương Võ Đế (502- 550), nhưng sau này, khi ngài truyền tâm ấn cho Huệ Khả - tổ thứ nhất người Trung Quốc - là bộ Lăng Già Kinh (Lankavatara Sutra) có nội dung tư tưởng Đại thừa về “Nhu lai tạng” và “A Lại Da thức”. Nhu lai tạng cũng là tên gọi khác của “Chân như”, “Không”.

Khi Cưu Ma La Thập (344- 413, Kumarajiva) dịch Trung Luận (4 quyển) quyển sang tiếng Hán khoảng đầu bán thế kỷ thứ V, tiếp đó có các Ngài Đạo Sinh, Đàm Tế, Tăng Lãng, Tăng Triệu phổ biến và thành lập Tam Luận tông tại Trung Hoa đã làm cho quá trình nghiên cứu tư tưởng Trung Luận lan rộng trong giới Phật học và học giả Trung Quốc. Đây là tiền đề lý luận cần thiết cho Thiền Tông Trung Quốc khai hoa kết trái. Tuy Thiền là một tông phái đặc thù của Đại thừa, song nó không phủ định Thiền Tiểu thừa (Theravada) mà cùng bảo tồn và phát triển tinh thần tu tập giải thoát của đức Phật đã được ghi nhận trong kinh điển Nguyên thủy.

Có thể nói, Thiền Đại thừa là một khuynh hướng hiện đại hoá ngay trong nội bộ giáo lý Phật giáo và thể hiện khá tập trung ở các vấn đề của Thiền học, gắn liền với sự triển khai các tư tưởng bản thể luận và nhận thức luận của triết học Phật giáo trong hai bộ luận : Trung Quán Luận (Madhyamika - Satra) của Long Thọ và Du Già Sư Địa Luận (Yogacary - Abhimi - Sastra) của Vô Trước và Thế Thân. Thiền Đại thừa nói chung nhất quán tinh thần Tính không của Trung Quán Luận và Vô thức của Du Già Luận.

Với Tính không và Hai chân lý trong Bát Nhã được Long Thọ triển khai trong Trung Quán Luận đã trở

thành cơ sở lý luận để Thiền học gợi mở một phong cách “phá chấp”, không câu nệ vào kinh điển, vào hình thức tu, vào phương pháp tu, mà chú trọng hơn về giá trị giải thoát nội tâm. Do vậy, ông được tôn làm tổ thứ 14 của Thiền Phật giáo.

Thiền Đại thừa Trung Quốc trước Thiền tông cũng có nhiều lối tu, chẳng hạn Thiền Thai tông của ngài Trí Khải đại sư đã ứng dụng pháp Tam quán: quán Không, quán Giả, quán Trung trên cơ sở tiếp thu tinh thần Trung quán trong Trung Quán Luận:

“Pháp do nhân duyên sinh

Tôi nói tức là không

Cũng chính là giả danh

Cũng là nghĩa Trung đạo”.

(Chúng nhân duyên sinh pháp

Ngã thuyết tức thị không

Diệc vi thị giả danh

Diệc thị trung đạo nghĩa).

Thiền Đại thừa Trung Quốc đã gần với Thiền tông, song Thiền Đại thừa còn thấy có pháp để tu, thấy có quả để chứng, nên còn khác biệt. Bởi vì, Thiền tông không thấy có một pháp dạy người, không thấy có một quả để chứng. Thiền tông đã ghi nhận ý nghĩa truyền thừa ý chỉ của Thiền từ khi Phật phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp trong sự kiện “niêm hoa vi tiếu”: “Ngô hữu chính pháp nhân tạng. Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng. Vi diệu pháp môn, kim phó Ma Ha Ca Diếp” Bài kệ này cho chúng ta hiểu rằng “vô tướng tức không” là chính pháp của Thiền tông. Cái Không đó là cái không diệu hữu, nó ra ngoài cái nhị biên của có - không nên “thật tướng vô tướng”. Qua những bài kệ này ta thấy sự tiếp thu tư tưởng này ở Long Thọ trong Trung Quán Luận.

Thiền tông Trung Quốc do Tổ Đạt Ma truyền tâm cho Huệ Khả cũng bằng Không tâm, tức giác ngộ Tính Không. Giai thoại Thiền về Huệ Khả tìm không thấy tâm, vì tâm là vô tướng, vô tính, là Tính Không. Đạt Ma đã giúp Huệ Khả ngộ ra được pháp là vô tướng, là như huyền.

Trong truyền thống tu Thiền của Phật giáo, khi hiểu pháp không, cũng có nghĩa là người đó giác ngộ được rằng bản tâm ta là thanh tịnh, được coi là chứng ngộ, an lạc giải thoát. Thiền Tông Trung Quốc có truyền thống “ý chỉ” Thiền của Phật (tức tâm ấn) cho đệ tử khi cần thiết hoặc trước khi viên tịch. Sau Bồ Đề Đạt Ma, từ Huệ Khả, tới tổ Hoàng Nhẫn và các thế hệ tổ về sau đều tìm người chứng được pháp Không để truyền tâm ấn. Giai thoại Thiền về chọn đệ tử để truyền tâm ấn của tổ Hoàng Nhẫn cũng nhấn mạnh ý nghĩa của giác ngộ Tính Không. Để chứng tỏ trình độ giác ngộ, đệ tử Thần Tú có bài kệ:

“Thân là cây Bồ đề

Tâm như đài gương sáng

Thường ngày hàng lau quét

**Chớ cho dính bụi trần”.**

(Thân thị Bồ đề thọ
Tâm nhu minh cảnh đài
Thời thời thường phát thức
Đạt sử nhá trần ai.)

Ở đây Thần Tú vẫn còn bị kẹt chấp vào Có - Không, có nghĩa là chưa thấy được lẽ Không của pháp. Trong khi đó bài kệ của Huệ Năng chứng tỏ đã đắc thiền cơ của Lục tổ, thể hiện rõ sự vô chấp, vô trụ của Bát Nhã: "... Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhá trần ai?". Qua đó ta thấy diệu lý Tính Không trong Trung Quán Luận đã có sự ảnh hưởng lớn tới tu tưởng Huệ Năng nói riêng, với tu tưởng thiền Trung Quốc nói chung.

2. Trung Quán Luận đối với Thiên Phật giáo Nhật Bản

Theo "Nhật Bản Thư Kỉ" ghi lại thì Phật giáo truyền vào Nhật Bản năm 552, thời Asuka (Khâm Minh), nhưng theo ghi chép Triều đại Thiên hoàng Kimmei ngày 12 tháng 10 năm Mậu Ngọ, trong tập kí về Thái tử Shōtoku (Thánh Đức) lại cho rằng Phật giáo đã vào Nhật Bản năm Mậu Ngọ 538 (năm Senka (Tuyên Hóa) thứ 3).

Cưu Ma La Thập dịch Trung luận (khoảng thế kỷ V) và truyền cho Đạo Sanh... Tăng Triệu phổ biến thành lập Tam Luận tông tại Trung Hoa. Đến thế kỷ thứ VI, Pháp Lăng, một đạo sư trú danh đương thời, truyền cho Cát Tạng, Cát Tạng truyền cho Huệ Quán, Huệ Quán sang Nhật năm 625 và truyền bá ảnh hưởng Trung Luận tại chùa Nguyên Hưng (Gwangoji) ở Nại Lương (Nara)... Tại thời điểm Nại Lương (Nara) có sáu phái Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang là: "Luật tông, A Tỳ Đạt Ma Câu Xá, Thành Thật Luận, Tam Luận, pháp tướng, Hoa Nghiêm". Tất cả đều là sản phẩm của bác học, nền triết học mới, có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống.

Tuy nhiên, Phật giáo chỉ thực sự cắm rễ và hưng thịnh tại Nhật Bản khi Thánh Đức Thái Tử (Shotoku, 574 - 622) lên ngôi vua và ban hành chiếu chỉ: "Toàn dân Nhật Bản phải kính ngưỡng và thọ trì Phật Pháp". Ông đã cho xây chùa chiền trên khắp đất nước, cho rằng ba ngôi báu: Phật, pháp, Tăng đều dung thông, không hề biệt lập, ngôi báu này hàm tàng hai ngôi báu kia. Chính điểm này đã giúp ta nhận diện được Thánh Đức Thái Tử đã kế thừa tư tưởng "... giảng lý Trung Đạo đệ nhất nghĩa" của Phật giáo Đại thừa mà Long Thọ ngày nào đã nói. Đây, chính là mấu chốt sự kính ngưỡng và thọ trì Phật pháp không hề kẹt chấp, nhân duyên sinh lúc này đã được "khéo léo thoát ly" Phật pháp không lìa thế gian.

Tới năm (1200 - 1253), tại Nhật Bản xuất hiện Đạo Nguyên Hi Huyền (道元希玄), còn gọi là Vĩnh Bình Đạo Nguyên (永平道元). Ban đầu, sư học giáo pháp Không, giả danh, Trung Đạo của Thiên Thai tông, nhưng vì không trả lời được câu hỏi: "Nếu quả thật,

như kinh dạy, thể tính của ta đã là Bồ-đề, thì sao Chu Phật còn phải tu học để giác ngộ?", nên tã tìm đến học với Thiền sư Minh Am Vinh Tây. Vinh Tây đưa ra trả lời: "Chu Phật không ai biết mình có Phật tính, chỉ có súc sinh mới biết mình có Phật tính." Với câu trả lời này, Vinh Tây đã nói rõ các pháp thực tướng của Phật tính tức là Không. Nhưng sư Hi Huyền vẫn chưa chứng được Tính Không nên năm 1223 đành cất công sang Trung Quốc tìm học, dưới sự hướng dẫn của Minh Châu (明州) ở chùa Thiên Đờng. Ông đạt được tông chỉ của dòng Tào Động, đại ngộ qua câu nói của Thiên Đờng Như Tịnh: "Người hãy xả bỏ thân tâm".

Đạo Nguyên Hi Huyền là Thiền sư quan trọng nhất của Phật giáo Nhật Bản. Với tác phẩm nổi tiếng - Chính pháp nhãn tạng (正法眼藏) - được xem là một kiệt tác của Thiền tông Nhật Bản. Tới đây ta chợt liên hệ khi Đức Thế Tôn truyền pháp cho Ma Ha Ca Diếp cũng nói: "Ta có chính pháp nhãn tạng, có niết bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, nay phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp", cũng như trong Trung Quán Luận, Long Thọ đã giải trình rõ Không là tư tưởng Đại thừa về vô ngã, Niết Bàn diệu tâm như Phật thuyết.

Tính Không của Long Thọ còn được thể hiện trong nghệ thuật ẩm thực thiền trà của Nhật Bản. Nan-In là thiền sư Nhật Bản vào thời Minh Trị (1868 - 1912), một lần tiếp một vị giáo sư đến tìm hiểu về Thiền. Nan-In mời ông dùng trà, đã rót đầy vào tách của khách và vẫn tiếp tục rót thêm... Ông giáo sư nhìn nước tràn cho đến khi tự mình không nhận được thêm nữa, kêu lên: "Tách đã đầy tràn rồi. Không thêm vào được nữa đâu!". Nan-In giải thích cần phải hiểu được thực tướng của tách trà là Không, sự suy đoán cũng là vô tướng. Vì thiền là tĩnh lặng, là nhân duyên khởi, là nhận thức biết rõ thu thái. Nan-In đáp lại ông giáo sư: "Ông mang đầy ý kiến và suy đoán riêng của ông. Làm sao tôi có thể chỉ cho ông về Thiền trừ phi ông cạn cái tách của ông trước đã?"

Có thể nói Phật giáo Nhật Bản từ khi du nhập, Phật giáo Nại Lương, Phật giáo quý tộc, Phật giáo sáng tạo, Phật giáo ngày nay, song cái then chốt của Phật giáo Nhật Bản vẫn là quan niệm cố hữu về Phật Tính, siêu việt tính của Tuệ giác Bát Nhã, là Không của Trung Quán Luận. Đó cũng chính là tinh thần vô chấp trong cuộc sống mà Phật tử người Nhật đến nay vẫn đang hằng hái tu tập, trải nghiệm, đào xới sâu vào cội nguồn của Tính Không.

3. Trung Quán Luận với thiên Phật giáo Việt Nam

Trung Quán Luận truyền vào Việt Nam năm nào, do ai đem vào đầu tiên vẫn còn tranh luận, song sự ảnh hưởng của nó đối với Thiên Phật giáo Việt Nam là không thể phủ định.

Thứ nhất, có ý kiến cho rằng Thiên học Việt Nam

khởi đầu bằng Khương Tăng Hội (?-280) vào đầu thế kỷ thứ III: "... Theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Khương Tăng Hội cũng đã dịch Ngô Phẩm (tức Bát Thiên Tụng Bát Nhã hay Đạo Hành Bát Nhã) là một trong những kinh bản sớm nhất thuộc hệ kinh Bát Nhã". Do vậy, có thể nói Phật giáo Việt Nam vào kỷ thứ III đã là Phật giáo đại thừa có khuynh hướng thần bí và Thiền học với tư tưởng Tính Không. Thứ hai, ý kiến khác lại cho rằng Thiền tông truyền vào Việt Nam khi Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ Trung Quốc sang Việt Nam năm Canh Tý (580), tại chùa Pháp Vân. Có lẽ ý kiến của Thích Nhất Hạnh thuyết phục hơn. Bởi vì khoảng thế kỷ thứ VI, Phật giáo Việt Nam đã khá phát triển và Trung Quán Luận cũng như Bát Nhã Kinh đã được truyền bá trong giới tăng sĩ khá rộng rãi.

Nói chung, các tông phái Thiền Phật giáo từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam (Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường) đều ít nhiều phát huy tinh thần Không của Trung Quán Luận. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Tông phái Thiền Phật giáo gọi là của riêng Việt Nam - do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập cũng là sự tiếp thu, kế thừa và tổng hợp từ các tông phái Thiền du nhập trước đó ở Việt Nam, cho nên vẫn không ngoài đường hướng của Triết học Tính Không của Trung Quán Luận được người Việt Nam tiếp thu theo tinh thần đặc trưng của Thiền tông.

Phật giáo Việt Nam phát triển thịnh vượng nhất thời Lý-Trần và còn để lại cho đến ngày nay một số trước tác thể hiện rất rõ triết học Tính không của Trung Quán Luận. Chẳng hạn vua Lý Thái Tông hội kiến với chư tôn, thiền đức để đàm đạo, nhân dịp này vua và các thiền sư trao đổi ý đạo qua những bài thi kệ ngắn rất sâu sắc về thiền lý, về Tính Không của Long Thọ trong Trung Quán Luận:

"Bát Nhã vốn không tông
 Nhân không ngã cũng không
 Ba đời các Đức Phật
 Pháp tính xưa nay đồng"
 (般若真無宗, 人空我亦空
 過現未來佛, 法性本來同)
 (Bát Nhã chân vô tông
 Nhân không ngã diệt không
 Quá hiện vị lai Phật
 Pháp tính bản lai đồng)

Có thể nói rằng, Lý Thái Tông đã thấu đạt được Thiền lý của Tính Không trong Trung Quán Luận.

Hay bài ở kệ "Mê ngộ không khác nhau", Tuệ Trung Thượng Sĩ đã khéo léo chuyển tải lý Duyên khởi về Tính Không trong Thiền học, đó cũng là Tính Không trong Trung Quán Luận. Cái khôn khéo ở đây là Tuệ Trung đã lồng ý về "không bắt đuổi một đối tượng ngoài tự thân" và cũng là phá tan tư tưởng nhị phân. Tiếp thu tinh thần Trung Quán từ Long Thọ, Tuệ Trung tiếp tục phá tan vọng chấp về Mê và Ngộ.

“
Nhận thức luận của Trung Quán chính là lý luận về trực giác trí tuệ (Bát Nhã siêu việt), nó giúp con người có hướng rèn luyện, thực hành để có thể khai tỏ tư duy giác tính, nhìn nhận vạn hữu thấy cảnh như thực.
 ”

Ông làm rõ được rằng nhất quán Tính Không thì mê và ngộ xưa nay vốn vẫn thanh tịnh, không sinh cũng không diệt, không thủy cũng không chung. Người tu thiền hiểu rõ như thế,ắt có sự giải thoát và tự tại: "Chỉ cần bỏ nhị kiến. Thực tại lộ hình dung".

Tư tưởng "Tính không" của Long Thọ còn được Vua Phật Hoàng Trần Nhân Tông thể hiện thành triết lý ung dung tự tại qua bài phú "Cu trần lạc đạo phú". Đây là một bài phú đã thể hiện được tinh thần thoát ly luôn cả có và không; vượt qua cả cố chấp nhị phân về có thiền hay không thiền: "Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền". Đây là một câu kết bất tư nghi tuyệt đối của phép Trung đạo, đúng tinh thần của Trung Quán Luận. Nguyên văn kệ tiếng Nôm và Việt dịch như sau:

"*Cu trần lạc đạo hãy tùy duyên
 Hễ đối thì ăn, mệt ngủ liền
 Châu báu đầy nhà đừng chạy kiếm
 Vô tâm đối cảnh hỏi chi thiền*".
 (Cu trần lạc đạo thả tùy duyên
 Cơ tắc xan hề, khốn tắc miên
 Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
 Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền).

Thiền Phật giáo của Việt Nam luôn chứa đựng tư tưởng "Tính Không" và đôi khi còn thể hiện sự vận dụng rất sáng tạo, thoát ra khỏi ngôn ngữ vay mượn của Trung Hoa, mà được Việt hóa một cách linh động, gần gũi. Chẳng hạn, khi nói: "Đối diện vô tâm chớ hỏi thiền" là đã vận dụng thuyết Tính Không trong Trung Quán Luận. Tính Không trong Trung Quán Luận còn có nghĩa không cần phải dùng ngôn ngữ mà vẫn có thể hiểu Tính Không trong đó.

Ngày nay Phật giáo trong nước đang ở đỉnh cao phát triển nên tư tưởng Tính Không trong Trung Quán Luận cũng đang được nghiên cứu và từng bước ứng dụng tác dụng vào lý luận và cuộc sống đời thường. Từ khía cạnh tư tưởng lịch sử, Tính Không và Trung Quán Luận vẫn có ý nghĩa khẳng định giá trị độc đáo của tư duy Phật giáo. Nhận thức luận của Trung



Quán chính là lý luận về trực giác trí tuệ (Bát Nhã siêu việt), nó giúp con người có hướng rèn luyện, thực hành để có thể khai tỏ tu duy giác tính, nhìn nhận vạn hữu thấy cảnh như thực.

Nhìn chung, tư tưởng triết học của Trung Quán Luận của Long Thọ vẫn còn ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển Thiền học, Phật học - một bộ phận của triết học Phật giáo - cũng như thực hành thiền - định ở Phật giáo Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... Ngày nay tư tưởng triết học của Trung Quán Luận đang được giới thiệu bằng nhiều tuyến (tôn giáo phương Đông, văn hóa truyền thống, dưỡng sinh phương Đông...) sang Tây Âu và được đón nhận rất nhiệt tình.

Trong cuộc sống thường nhật, triết học Tính không của Trung Quán Luận cũng là Duyên sinh vô tính, ảnh hưởng tới quá trình tu tập hằng ngày của người xuất gia cũng như cư sĩ tại gia Việt Nam như việc tụng kinh, tu trì, tọa thiền qua triết lý "sắc - không" (色- 空) của kinh Bát Nhã. Chẳng hạn, nhờ hiểu tư tưởng Tính Không, tín đồ Phật giáo đã làm bố thí Ba la mật Không để góp phần bảo vệ gia đình, bảo vệ xã hội, đất nước tốt hơn mà không hề đòi hỏi, tính toán thiệt hơn, từ yêu thương giúp đỡ đồng bằng từ bi, tinh thần khoan dung, bố thí người nghèo không hề vụ lợi, không hồng báo ơn...

Ngoài ra, triết lý Tính không đã ảnh hưởng tới nhiều phương diện khác như nghệ thuật Phật giáo như thơ pháp, tranh thiền, trà thiền, võ đạo thiền, dưỡng sinh thiền, hành thiền, ngoại giao thiền, tình thương thiền, yoga Thiền... Tính không làm cho nghệ thuật Phật giáo có đặc sắc riêng không nhàm chán, không theo khuôn mẫu. Nên các loại hình nghệ thuật của Đại thừa Phật giáo đã biểu hiện ra một phương pháp mang sắc thái riêng chỉ thiền tông mới có.

Trong quá trình xã hội toàn cầu hóa, sự giao thoa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng, cũng như sự giao lưu triết học phương Đông - Tây ngày càng có cơ hội so sánh, đối chiếu qua nhau: "Tư tưởng Tính không của Phật giáo Đại thừa có những điểm rất gần với triết học hậu - hiện đại của phương Tây ở cách thức phản phủ định, triết học kinh điển để tìm tòi cái mới, cái sống động, cái ngẫu nhiên, cái ngoài lý thuyết... Sự gặp gỡ Ấn - Trung đã tạo nên Thiền tông Trung Quốc kỳ lạ và đầy hấp dẫn, vậy sự gặp gỡ Phật giáo phương Đông với trí tuệ và khoa học công nghệ phương Tây hiện đại, hẳn sẽ còn nhiều thú vị bất ngờ hơn".

Trung Quán Luận có nghĩa đặc biệt trong lịch sử phát triển tư tưởng Phật giáo. Nó đã kết nối được tư tưởng giữa Phật giáo Nguyên Thủy với Phật giáo Đại thừa thông qua Tính Không của Long Thọ và đóng vai trò rất quan trọng trong lịch sử phát triển Phật giáo Đại Thừa cho tới Thiền tông. Phật giáo Đại thừa truyền

vào Trung Quốc mang theo tư tưởng Tính Không, và Thiền Tông, coi Nhu Lai Tạng, A Lại Da thức, Chân như là Không, khi vận dụng thành tư tưởng thiền về "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật"... Tông Thiên Thai cũng kế thừa tư tưởng Trung Quán Luận lập ra ba quán: quán không, giả danh, trung đạo.

Tóm lại, Trung Quán Luận truyền vào Việt Nam khá sớm, Thiền Tông Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều từ Trung Quán Luận. Tư tưởng Trung Quán Luận với Tính Không đã tăng thêm tính nhập thế của Thiền Tông Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc. Sự hưng thịnh của Phật giáo Thiền đã góp phần không nhỏ trên mọi lĩnh vực, kinh tế, xung đột chính trị - xã hội, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc, sinh hoạt đời sống, góp phần soi tỏ bản thể vũ trụ, nhân sinh trên tinh thần diệu hữu Tính Không vô cùng vô tận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Thiện Hoa (2008), Phật Học Phổ Thông, Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
2. Nguyễn Huệ dịch (2011) Phật Tổ lịch sử truyền thừa đạo ảnh, Nxb. Phương Đông.
3. Thích Thanh Kiểm (1971), Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ, Quê Hương Tái Bản Lần Thứ Nhất.
4. Thích Thanh Kiểm (1992), Lịch sử Phật giáo Trung Quốc, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
5. Thích Quảng Liên dịch và giải (2007), Trung Quán Luận, Nxb Tôn Giáo.
6. Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, Nxb Văn Học Hà Nội.
7. Lê Thị Ý Lan - Sắc Không (1996), Văn Học Lý Trần - Nhìn Từ Thế Loại, Nxb Giáo Dục
8. Nguyễn Đăng Thục (2001), Triết học Phương Đông (Tập III), Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Thị Tho (2009-2010) "Thuyết Tính Không của Long Thọ với sự phát triển của Phật giáo", Tạp chí Phật học, số 6/2009; và số 1/2010.
10. Chánh Tấn Tuệ dịch và giải (2001), Trung Quán Luận, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
11. Trần Thái Tông (1997), Khoá Hu Lục, Thích Thanh Kiểm dịch, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
12. Thích Thiện Siêu dịch và tóm tắt (2001), Trung Quán Luận, Nxb TP Hồ Chí Minh, tr. 5
13. Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện chủ biên (2014), Phật giáo xây dựng hòa bình thế giới, Nxb Tôn Giáo.
14. Daisetz Teitaro SuZuKi (2011) Thiền Luận, quyển hạ, Nxb Tổng hợp TP HCM.